

Số: 435/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở đào tạo đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5859/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) nhiệm vụ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐHQG-SĐH ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (Trung tâm) triển khai đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-ĐHQG ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ;

Căn cứ Công văn số 99/TTKĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm về việc trình ký 63 chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học,

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học cho 63 (sáu mươi ba) học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Danh sách học viên đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo, Trưởng ban các Ban chức năng có liên quan, Giám đốc Trung tâm và các học viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Tâm

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO KIỂM ĐỊNH VIÊN
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 4 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Quyết định công nhận tham gia chương trình đào tạo		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ cấp chứng chỉ
					Số QĐ	Số TT		
1.	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	07/12/1977	Long An	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	1	QH56202100142	KĐ2023.1
2.	Nguyễn Lý Uy Hân	Nam	24/9/1974	Đắk Lắk	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	2	QH56202100143	KĐ2023.2
3.	Dương Diễm Châu	Nữ	28/4/1983	TP.HCM	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	3	QH56202100144	KĐ2023.3
4.	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	10/10/1981	Biên Hòa	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	4	QH56202100145	KĐ2023.4
5.	Đinh Uyên Phương	Nữ	12/11/1970	TP.HCM	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	5	QH56202100146	KĐ2023.5
6.	Hồ Thị Hạnh Tiên	Nữ	01/9/1974	Quảng Trị	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	6	QH56202100147	KĐ2023.6
7.	Cao Thị Quỳnh Trâm	Nữ	04/02/1985	Thừa Thiên Huế	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	7	QH56202100148	KĐ2023.7

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Quyết định công nhận tham gia chương trình đào tạo		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ cấp chứng chỉ
					Số QĐ	Số TT		
8.	Trần Hữu Trung	Nam	14/11/1973	Quảng Trị	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	8	QH56202100149	KĐ2023.8
9.	Nguyễn Hữu Chúc	Nam	06/8/1980	Thừa Thiên Huế	41/QĐ-TTKĐ, 08/4/2022	9	QH56202100150	KĐ2023.9
10.	Trần Truyền Tuấn	Nam	07/8/1980	Quảng Trị	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	10	QH56202100151	KĐ2023.10
11.	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	20/4/1985	Đồng Nai	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	11	QH56202100152	KĐ2023.11
12.	Trần Thị Hương	Nữ	10/02/1972	Thừa Thiên Huế	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	12	QH56202100153	KĐ2023.12
13.	Hoàng Ngọc Hiền	Nam	21/9/1984	Hà Nội	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	13	QH56202100154	KĐ2023.13
14.	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	23/6/1984	Hòa Bình	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	14	QH56202100155	KĐ2023.14
15.	Phùng Đức Nhật	Nam	18/5/1967	TP.HCM	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	15	QH56202100156	KĐ2023.15
16.	Lê Minh Tùng	Nam	09/7/1973	Tiền Giang	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	16	QH56202100157	KĐ2023.16
17.	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	26/8/1975	Tiền Giang	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	17	QH56202100158	KĐ2023.17
18.	Dương Văn Hiếu	Nam	15/02/1975	Bạc Liêu	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	18	QH56202100159	KĐ2023.18
19.	Trần Thị Thanh Vân	Nữ	27/12/1976	Nghệ An	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	19	QH56202100160	KĐ2023.19
20.	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	10/8/1974	Vĩnh Phú	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	20	QH56202100161	KĐ2023.20

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Quyết định công nhận tham gia chương trình đào tạo		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ cấp chứng chỉ
					Số QĐ	Số TT		
21.	Cao Minh Trí	Nam	22/5/1977	TP.HCM	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	21	QH56202100162	KĐ2023.21
22.	Trần Nam Quốc	Nam	12/10/1978	Bình Thuận	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	22	QH56202100163	KĐ2023.22
23.	Huỳnh Thúy Phương	Nữ	20/4/1984	Phú Yên	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	23	QH56202100164	KĐ2023.23
24.	Nguyễn Đỗ Thanh Hà	Nữ	14/02/1981	TP.HCM	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	24	QH56202100165	KĐ2023.24
25.	Vũ Lê Vân	Nữ	17/6/1987	Hà Nội	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	25	QH56202100166	KĐ2023.25
26.	Trần Ngọc Châu	Nam	28/3/1982	TP.HCM	41/QĐ-TTKĐ, ngày 08/4/2022	26	QH56202100167	KĐ2023.26
27.	Nguyễn Văn Đán	Nam	26/6/1985	Bến Tre	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	1	QH56202100168	KĐ2023.27
28.	Đặng Duy Khánh	Nam	30/6/1986	Cần Thơ	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	2	QH56202100169	KĐ2023.28
29.	Nguyễn Minh Phương	Nữ	22/02/1974	Cà Mau	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	3	QH56202100170	KĐ2023.29
30.	Nguyễn Thị Hồng Nga	Nữ	10/8/1988	Tiền Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	4	QH56202100171	KĐ2023.30
31.	Phạm Trương Yến Nhi	Nữ	05/10/1976	Đồng Tháp	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	5	QH56202100172	KĐ2023.31
32.	Nguyễn Lê Thế Vũ	Nam	13/4/1987	Hậu Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	6	QH56202100173	KĐ2023.32
33.	Nguyễn Thành Ngọc Bảo	Nữ	13/02/1982	Bình Dương	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	7	QH56202100174	KĐ2023.33



TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Quyết định công nhận tham gia chương trình đào tạo		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ cấp chứng chỉ
					Số QĐ	Số TT		
34.	Tăng Minh Dũng	Nam	20/12/1983	Vĩnh Long	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	8	QH56202100175	KĐ2023.34
35.	Lê Hải	Nam	17/12/1987	TP.HCM	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	9	QH56202100176	KĐ2023.35
36.	Lê Vũ Kiều Hoa	Nữ	28/6/1976	Hà Nội	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	11	QH56202100177	KĐ2023.36
37.	Đỗ Công Nam	Nam	15/02/1982	Hà Nội	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	12	QH56202100178	KĐ2023.37
38.	Huỳnh Trung Phong	Nam	04/01/1984	TP.HCM	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	13	QH56202100179	KĐ2023.38
39.	Trần Thị Thanh Huệ	Nữ	08/9/1976	Nam Định	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	14	QH56202100180	KĐ2023.39
40.	Nguyễn Thành Tín	Nam	27/9/1978	An Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	15	QH56202100181	KĐ2023.40
41.	Nguyễn Hữu Trí	Nam	06/01/1979	An Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	16	QH56202100182	KĐ2023.41
42.	Mai Thị Minh Thuy	Nữ	01/01/1987	An Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	17	QH56202100183	KĐ2023.42
43.	Hồ Hữu Tường	Nam	01/7/1981	Bạc Liêu	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	18	QH56202100184	KĐ2023.43
44.	Lê Thị Diễm Kiều	Nữ	16/5/1983	Vĩnh Long	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	19	QH56202100185	KĐ2023.44
45.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	01/5/1976	Vĩnh Phúc	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	20	QH56202100186	KĐ2023.45
46.	Nguyễn Thanh Bình	Nam	19/9/1977	Tiền Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	21	QH56202100187	KĐ2023.46

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Quyết định công nhận tham gia chương trình đào tạo		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ cấp chứng chỉ
					Số QĐ	Số TT		
47.	Lê Văn Cảnh	Nam	11/11/1979	Quảng Nam	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	22	QH56202100188	KĐ2023.47
48.	Phan Bảo Ngọc	Nam	12/8/1975	Nam Định	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	23	QH56202100189	KĐ2023.48
49.	Nguyễn Huy Cường	Nam	04/3/1982	Bến Tre	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	24	QH56202100190	KĐ2023.49
50.	Lâm Thị Loan	Nữ	03/7/1977	Quảng Bình	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	25	QH56202100191	KĐ2023.50
51.	Lưu Xuân Thắng	Nam	08/02/1982	Khánh Hòa	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	26	QH56202100192	KĐ2023.51
52.	Lý Thiên Trang	Nữ	09/6/1977	Bến Tre	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	27	QH56202100193	KĐ2023.52
53.	Ngô Thị Huyền	Nữ	02/11/1987	Đồng Nai	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	28	QH56202100194	KĐ2023.53
54.	Nguyễn Văn Toàn	Nam	04/12/1981	Tiền Giang	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	29	QH56202100195	KĐ2023.54
55.	Nông Thị Hiền Hương	Nữ	04/5/1983	Thái Nguyên	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	30	QH56202100196	KĐ2023.55
56.	Ngô Minh Hải	Nam	23/3/1980	Đắk Lắk	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	31	QH56202100197	KĐ2023.56
57.	Nguyễn Văn Vĩnh	Nam	13/6/1979	Hà Nội	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	32	QH56202100198	KĐ2023.57
58.	Lê Tuấn Lộc	Nam	10/3/1970	Quảng Ngãi	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	33	QH56202100199	KĐ2023.58
59.	Nguyễn Minh Trí	Nam	30/11/1980	Bình Định	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	34	QH56202100200	KĐ2023.59

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Quyết định công nhận tham gia chương trình đào tạo		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ cấp chứng chỉ
					Số QĐ	Số TT		
60.	Trần Tân Anh Phương	Nữ	21/11/1983	Thừa Thiên Huế	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	35	QH56202100201	KĐ2023.60
61.	Nguyễn Thanh Long	Nam	15/7/1970	Bình Thuận	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	36	QH56202100202	KĐ2023.61
62.	Trần Thanh Dũng	Nam	24/02/1982	Vĩnh Long	78/QĐ-TTKĐ, ngày 16/6/2022	37	QH56202100203	KĐ2023.62
63.	Hoàng Vân	Nữ	26/11/1972	Nam Định	83/QĐ-TTKĐ, ngày 20/6/2022	1	QH56202100204	KĐ2023.63
Tổng: 63 học viên								